TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG	**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 289/2026/DS-ST
Ngày: 14 - 7 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kim Thành** và bà **Huỳnh Thị Mỹ Liên**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu -** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2026/TLST-DS ngày 16.3.2026 về việc*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1060/2026/QĐXXST-DS ngày 25.6.2026, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**. Địa chỉ: H L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T - Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ và bà Lê Thị Thảo N - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng D, số A P, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07.11.2025 và Văn bản ủy quyền số: 200986/2026/UQ-VPB ngày 09.02.2026), có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T1** - Sinh năm: 1992. CCCD số: 049192000986 do Bộ C cấp ngày 27.5.2024. Địa chỉ: A L, tổ G, phường N, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09.10.2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã ký kết các hợp đồng cụ thể như sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (Hợp đồng số: LD2229701233 ngày 24.10.2022). Theo hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 23%/năm và được điều chỉnh theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.11.2022. Kể từ khi vay tiền, bà Nguyễn Thị Thanh T1 thanh toán được số tiền là 164.577.241 đồng (tiền gốc 99.716.126 đồng, tiền lãi 64.861.115 đồng) và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15.8.2024. Tính đến ngày 14.7.2026, bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là 171.303.639 đồng (gốc 100.283.874 đồng, tiền lãi 71.019.765 đồng).

- Hợp đồng cho vay số: LD2318600364 ngày 05.7.2023. Theo hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 69.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.8.2023; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 32%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định Ngân hàng TMCP V; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Kể từ khi vay tiền, bà Nguyễn Thị Thanh T1 thanh toán được số tiền là 37.372.985 đồng (gốc 16.418.026 đồng, tiền lãi 20.954.959 đồng) và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15.8.2024. Tính đến ngày 14.7.2026, bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là 104.012.860 đồng (gốc 52.581.974 đồng, tiền lãi 51.430.886 đồng).

Do bà Nguyễn Thị Thanh T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V đã chuyển dư nợ gốc của bà Nguyễn Thị Thanh T1 sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng TMCP V đã nhắc nhở, yêu cầu nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T1 không

thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14.7.2026 theo các hợp đồng nói trên là 275.316.499 đồng (nợ gốc là 152.865.848 đồng, tiền lãi là 122.450.651 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 15.7.2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại Bản tự khai đề ngày 07.4.2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T1 xác nhận việc ký kết các hợp đồng vay tiền với Ngân hàng TMCP V. Đồng thời thống nhất xác nhận số tiền còn nợ của các hợp đồng theo như đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Tuy nhiên do gia đình gặp biến cố, không còn tài sản; bản thân phải nuôi con nhỏ và chồng đang bị liệt không đi lại được nên xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T1 thanh toán nợ theo Hợp đồng cho vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 cư trú tại phường N, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (Hợp đồng số: LD2229701233 ngày 24.10.2022) và Hợp đồng cho vay số: LD2318600364 ngày 05.7.2023 mà Ngân hàng TMCP V ký với bà Nguyễn Thị Thanh T1 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán:

- Đối với Hợp đồng số LD2229701233 ngày 24.10.2022: Theo hợp đồng này, bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 200.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 23%/năm và được thay đổi theo từng thời kỳ của bên cho vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.11.2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã thanh toán được số tiền 164.577.241 đồng (tiền gốc 99.716.126 đồng, tiền lãi 64.861.115 đồng). Do bà Nguyễn Thị Thanh T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 6 Phần B - Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 (gắn liền với Hợp đồng cho vay). Tính đến ngày 14.7.2026, bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền theo hợp đồng này là 171.303.639 đồng, trong đó nợ gốc là 100.283.874 đồng, tiền lãi là 71.019.765 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số LD2318600364 ngày 05.7.2023: Theo Hợp đồng này, bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 69.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng; lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 32%/năm được cố định đến ngày 01.01.2024. Sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.8.2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã thanh toán được số tiền 37.372.985 đồng (tiền gốc 16.418.026 đồng, tiền lãi 20.954.959 đồng). Do bà Nguyễn Thị Thanh T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 6 Phần B - Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 (gắn liền với Hợp đồng cho vay). Tính đến ngày 14.7.2026, bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền theo hợp đồng này là 104.012.860 đồng, trong đó nợ gốc là 52.581.974 đồng, tiền lãi là 51.430.886 đồng.

Căn cứ vào Mục II - Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ; khoản 5 Điều 2 Hợp đồng cho vay số: LD2318600364 ngày 05.7.2023 và Điều 7 Phần B - Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 thì bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được Ngân hàng TMCP V chấp thuận nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ theo các hợp đồng tính đến ngày 14.7.2026 là 275.316.499 đồng như đã nêu trên và phải tiếp tục trả tiền lãi,

kể từ ngày 15.7.2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay ký kết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP V được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/UBTVQH15 ngày 25.6.2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 và 209 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị Thanh T1.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 14.7.2026 là 275.316.499 đồng (nợ gốc là 152.865.848 đồng, tiền lãi là 122.450.651 đồng), trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng số LD2229701233 ngày 24.10.2022 (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ) là 171.303.639 đồng (nợ gốc là 100.283.874 đồng, tiền lãi là 71.019.765 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc, kể từ ngày 15.7.2026 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thanh T1 thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

- Nợ theo Hợp đồng cho vay số: LD2318600364 ngày 05.7.2023 là 104.012.860 đồng (nợ gốc là 52.581.974 đồng, tiền lãi là 51.430.886 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc, kể từ ngày 15.7.2026 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thanh T1 thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu là 13.765.824 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.311.497 đồng theo Biên lai thu số 0002290 ngày 12.3.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TAND KHU VỰC 2
TQX140726.TL.QDBA
1630

Phạm Văn Diện